

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2024/HS-ST

Ngày: 08-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuỳ Dương;

Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Bùi Long Hải - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 105/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2024/HSST-QĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trang Minh K**, sinh năm 1999, tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Số A, đường T, xã B, huyện C, Thành phố H; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trang Thanh T (đã chết) và bà Trần Thị Kim D; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/9/2020, bị Tòa án nhân dân quận Thủ Đức (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Cường đoạt tài sản, theo Bản án hình sự sơ thẩm số 245/2020/HS-ST. Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/11/2023, sau đó chuyển sang tạm giam cho đến nay, có mặt.

2. Họ và tên: **Lê Vũ L**, sinh năm 2003, tại thành phố Cần Thơ; nơi đăng ký thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ; chỗ ở: Số E, đường B, khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh T1 và bà Võ Thanh N; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/11/2023 đến ngày 07/12/2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Phương Thảo V, sinh năm 2003; cư trú tại: Số B, đường L, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Lý Hồng Q, sinh năm 1999; cư trú tại: Ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1999; cư trú tại: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

+ Anh Trần Nam T2, sinh năm 1992; cư trú tại: Số C, đường N, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ, có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 2004; anh Trần Trung T3, sinh năm 2001; anh Trương Hiếu N1, sinh năm 1999 và anh Hồ Hoàng Quốc P, sinh năm 2001; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trang Minh K là đối tượng đã từng bị kết án về tội Cường đoạt tài sản, hiện không có nghề nghiệp cũng như không có thu nhập ổn định. Khoảng tháng 10/2023, do cần tiền để tiêu xài nên K nảy sinh ý định đăng nhập lên các trang mạng xã hội Zalo, F, T4 để tạo lập một số tài khoản với những tên gọi khác nhau rồi làm quen với một số người nữ trên mạng xã hội và sau đó K sẽ hẹn đi chơi, ăn uống, vào nhà nghỉ để tâm sự, nếu thấy người nào có tài sản có giá trị thì K sẽ tìm cách chiếm đoạt đem bán lấy tiền. Vào các ngày 05/11/2023 và 07/11/2023, K đã thực hiện 02 vụ Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và trên địa bàn phường C, thành phố T; còn Lê Vũ L, tuy biết tài sản do K chiếm đoạt mà có nhưng vẫn đồng ý chứa chấp và cùng K mang đi tiêu thụ, cụ thể như sau:

1. Vụ thứ nhất: Trộm cắp tài sản:

Khoảng đầu tháng 11/2023, K sử dụng tài khoản Zalo tên “H” nhắn tin làm quen, tâm sự với chị Nguyễn Phương Thảo V sinh năm 2003, thường trú tại Số B, đường L, Khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến ngày 05/11/2023, K hẹn chị V đến Khách sạn H1, địa chỉ tại Số A, đường H, Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương để tâm sự; chị V đồng ý. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, chị V đón xe taxi đi đến Khách sạn H1 và gặp K tại đây. Sau đó, cả hai đi vào khách sạn rồi đến gặp nhân viên lễ tân là anh Trần Trung T3, sinh năm 2001, cư trú tại Khu phố C, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương và được anh T3 sắp xếp vào phòng số 608. Khi chị V lấy chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 256Gb, màu hồng ra để sử dụng thì K nhìn thấy chiếc điện có giá trị nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau khi vào phòng số 608 được khoảng 30 phút thì K và chị V quan hệ tình dục với nhau; sau khi quan hệ xong, K hỏi mượn điện thoại của chị V chơi game nhưng chị V không cho và để điện thoại trên giường rồi đi vào phòng vệ sinh để tắm. Lúc này, K lén lấy điện thoại của chị V bỏ vào túi quần rồi mở cửa phòng đi ra khỏi khách sạn và đón xe ôm đi về phòng trọ của K tại địa chỉ Số A, đường T, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh. Đến khoảng 10 giờ ngày 06/11/2023, K đi đến một đoạn đường nằm trên địa bàn quận G, Thành phố Hồ Chí Minh rồi bán chiếc điện thoại của chị V cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng và K đã tiêu xài hết số tiền này. Đối với chị V, sau khi bị K chiếm đoạt chiếc điện thoại nêu trên thì đến ngày 09/11/2023 chị V đến Công an phường C trình báo vụ việc. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 354/KLTS-TTHS ngày 28/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 256Gb, màu hồng trị giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 256Gb, màu hồng của chị V, do K khai đã bán lại cho một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngày 06/02/2024, mẹ của Trang Minh K là bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1979, thường trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ đã thay K bồi thường cho chị V số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Chị V không yêu cầu giải quyết gì thêm và có Đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K.

2. Vụ thứ hai: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Chứa chấp và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có:

Ngày 04/11/2023, thông qua mạng xã hội Zalo, K nhắn tin làm quen với chị Lý Hồng Q, sinh năm 1999, thường trú tại ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 07/11/2023, K nhắn tin rủ chị Q đi ăn uống; chị Q đồng ý. Khoảng 17 giờ cùng ngày, chị Q điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario 125, màu trắng-hồng-đen, biển số 59Y3-698.57 chạy đến cổng Khu công nghiệp Đ thuộc xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì gặp K đã đứng chờ sẵn tại đây. Khi gặp chị Q, K thấy xe mô tô của chị Q có giá trị nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Thực hiện ý định trên, K giả vờ kêu chị Q đưa chìa khoá xe mô tô của chị Q cho K để K điều khiển chở chị Q thì Q tin tưởng nên đã đưa chìa khoá xe cho K. Sau đó, K điều khiển xe chở Q chạy đến địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương để ăn uống. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi ăn uống xong, K điều khiển xe chở chị Q đến một đoạn đường trên địa bàn phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì K rủ chị Q đi tìm nhà nghỉ để tâm sự; chị Q đồng ý. Khi K điều khiển xe lưu thông trên đường L đến đoạn qua Khu phố E, phường C thì nhìn thấy nhà nghỉ T5 nên K dừng xe lại và cùng chị Q vào đây để thuê phòng. Sau khi vào nhà nghỉ, K điều khiển xe của chị Q chạy vào bãi giữ xe để gửi nhưng sau đó không đưa chìa khoá xe lại cho chị Q mà bỏ vào túi quần của K. Sau đó, K cùng chị Q đi lên quầy thu ngân để đặt phòng thì được nhân viên lễ tân là anh Trương Hiếu N1, sinh năm 1999, cư trú tại Khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương sắp xếp vào phòng số 205. Sau khi vào trong phòng, K nhìn thấy chị Q sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, loại 256 Gb, màu tím nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, K và chị Q quan hệ tình dục với nhau; sau khi quan hệ xong, K hỏi chị Q có uống trà sữa không thì chị Q đồng ý. Tiếp đó, K nói với chị Q là điện thoại của K không có ứng dụng đặt trà sữa nên giả vờ hỏi mượn điện thoại của chị Q để đặt trà sữa thì chị Q đưa điện thoại cho K mượn. Sau khi cầm điện thoại của chị Q thì K nhắn tin đặt 02 ly trà sữa rồi đưa điện thoại lại cho chị Q. Khoảng 20 phút sau, người giao hàng gọi vào số điện thoại của chị Q thì K kêu chị Q đưa điện thoại cho K để K liên lạc với người giao hàng lấy trà sữa; chị Q đồng ý. Sau đó, K cầm điện thoại

của chị Q và đi xuống trước cổng nhà nghỉ rồi đi đến bãi giữ xe lấy chìa khoá xe có sẵn trong túi quần rồi khởi động máy điều khiển xe của chị Q chạy về phòng trọ của K. Đối với chị Q, sau khi không thấy K quay lại thì chị Q đã đi xuống bãi giữ xe của nhà nghỉ để kiểm tra thì phát hiện xe mô tô của chị Q không còn và khi xem lại camera của nhà nghỉ thì chị Q biết được K đã chiếm đoạt tài sản của mình. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày 07/11/2023, chị Q đến Công an phường C trình báo vụ việc. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với Trang Minh K, sau khi chiếm đoạt được xe mô tô biển số 59Y3-698.57 và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax của chị Q thì K chạy về phòng trọ gặp bạn là Lê Vũ L và nói cho L biết là xe mô tô và chiếc điện thoại nêu trên là tài sản do K vừa chiếm đoạt được của chị Q rồi rủ L cùng đi bán điện thoại và cất giấu xe; L đồng ý. Đến khoảng 21 giờ 10 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô biển số 59Y3-698.57 chở K đi đến cửa hàng điện thoại Trần A, địa chỉ tại Số B, đường N, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh rồi K đi vào trong cửa hàng và bán chiếc điện thoại của chị Q cho anh Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1999, cư trú tại thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam được số tiền là 10.000.000 (mười triệu) đồng. Sau khi bán điện thoại xong, L điều khiển xe mô tô biển số 59Y3-698.57 chở K chạy đến Chung cư S, địa chỉ tại đường C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh để cất giấu xe. Khi đến nơi, L đứng phía trước chung cư đợi còn K điều khiển xe mô tô biển số 59Y3-698.57 chạy vào bãi giữ xe để gửi rồi cả hai đặt xe ôm công nghệ quay về phòng trọ của K. Sau khi về phòng trọ, K lên mạng xã hội tìm người để bán xe thì liên hệ được với anh Trần Nam T2, sinh năm 1992, cư trú tại số C, đường N, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Qua nói chuyện, anh T2 hỏi K nguồn gốc xe thì K nói xe này là của K mua trả góp nhưng đang kẹt tiền nên không góp nữa nếu đồng ý mua thì đến khi nào K có đủ tiền sẽ đến trả tiền cho cửa hàng xe máy rồi lấy giấy chứng nhận đăng ký xe bản chính đi làm thủ tục sang tên cho anh T2 thì anh T2 đồng ý mua với giá 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng và nói với K khi nào K làm xong thủ tục sang tên xe thì anh T2 sẽ trả thêm tiền. Sau đó, K và anh T2 hẹn giao dịch mua bán xe tại địa bàn thành phố M, tỉnh Tiền Giang và anh T2 yêu cầu K khi đến giao xe thì phải đưa giấy chứng nhận đăng ký xe và căn cước công dân (bản photocopy) của K cho anh T2; K đồng ý.

Khoảng 09 giờ ngày 08/11/2023, K điện thoại cho Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 2004, thường trú tại ấp T, Phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng rủ Đ cùng đi bán xe mô tô hiệu Honda Vario; Đ đồng ý. Sau đó, K đón xe ôm đi đến chỗ ở của Đ tại Khu công nghiệp Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương rồi Đ điều khiển xe mô tô (không rõ nhãn hiệu, biển số) của Đ chở K đến Chung cư S để lấy xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59Y3-698.57. Sau đó, Đ gửi xe của Đ tại chung cư rồi điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59Y3-698.57 chở K chạy đến khu vực thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày, K và Đ đến trước cổng Siêu thị G ở Phường F, thành phố M rồi gọi điện thoại cho anh T2 nhưng anh T2 bận công việc nên đã nhờ anh Hồ Hoàng Quốc P, sinh năm 2004, thường trú tại Số I, đường L, Phường E, thành phố M đến gặp K để giao dịch mua bán xe. Sau đó, anh P nhờ người bạn tên N2 (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng đi đến để gặp K và Đ. Khi đến nơi, anh P kiểm tra xe và yêu cầu K đưa giấy chứng nhận đăng ký xe, căn cước công dân (bản photocopy) như đã thỏa thuận trước đó với anh T2 nhưng K nói là quên mang theo thì anh P gọi điện thoại nói lại sự việc cho anh T2 thì anh T2 nói chỉ trả trước cho K 8.000.000 (tám triệu) đồng, khi nào K giao giấy tờ nêu trên thì sẽ trả hết số tiền còn

lại; K đồng ý. Sau đó, anh T2 đã chuyển số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng vào tài khoản số 3149964100 của L mở tại Ngân hàng B (do K không có tài khoản ngân hàng). Sau khi xác nhận việc chuyển tiền thì K đã giao xe cho anh P rồi cùng Đ đón xe khách đi về Chung cư S để lấy xe của Đ. Trên đường về, K chia cho Đ số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng. Sau khi lấy xe xong, Đ chở K về nhà của Đ, còn K đón xe ôm đi về phòng trọ của K. Từ ngày 10/11/2023 đến ngày 12/11/2023, L đã rút hết số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng đưa cho K và K đã tiêu xài hết số tiền này. Khi nhận chuyển khoản số tiền trên thì L không biết số tiền trên do K bán xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59Y3-698.57 mà có.

Ngày 13/11/2023, chị Q phát hiện K đang ở khu vực phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nên đưa K đến trụ sở Công an phường B để làm việc. Tại Cơ quan Công an, K xin đầu thú và khai nhận toàn bộ các hành vi phạm tội như đã nêu trên. Công an phường B tiến hành lập hồ sơ ban đầu rồi chuyển hồ sơ vụ việc và đối tượng K cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

Đối với Lê Vũ L, đến ngày 28/11/2023, L nhận thấy hành vi của mình tuy biết rõ xe mô tô hiệu Honda Vario 125, màu trắng-hồng-đen, biển số 59Y3-698.57 và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, 256Gb, màu tím là tài sản do K chiếm đoạt của chị Q mà có nhưng vẫn đồng ý cùng K mang điện thoại đi bán và mang xe đi cất giấu là vi phạm pháp luật nên đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra đến ngày 22/11/2023, anh Nguyễn Thanh L1 đã chủ động giao nộp chiếc di động hiệu Iphone 14 Promax, dung lượng 256Gb, màu tím cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T để xử lý theo quy định pháp luật.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản ngày 23/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, màu trắng-hồng-đen, biển số 59Y3-698.57 trị giá 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, dung lượng 256Gb, màu tím trị giá 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng. Tổng trị giá tài sản Trang Minh K chiếm đoạt của chị Lý Hồng Q là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng.

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, dung lượng 256Gb, màu tím của chị Lý Hồng Q, ngày 28/11/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã giao trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Q theo Quyết định xử lý vật chứng số 88/QĐ ngày 28/11/2023.

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vario, màu trắng-hồng-đen, biển số 59Y3-698.57, quá trình điều tra anh Trần Nam T2 khai sau khi mua được xe mô tô trên từ Trang Minh K thì anh T2 đã sử dụng làm phương tiện đi lại, đến khoảng tháng 12/2023 thì anh T2 đã bán lại xe trên cho người nam thanh niên tên K1 (hiện chưa xác định rõ nhân thân, lai lịch) tại tỉnh Long An nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngày 28/11/2023, bà Trần Thị Kim D đã thay Trang M khôi bồi thường cho chị Lý Hồng Q số tiền 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng. Chị Q không yêu cầu giải quyết gì thêm và có Đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho K.

- Đối với anh Nguyễn Thanh L1 đã có hành vi mua chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, dung lượng 256Gb từ Trang M. Tuy nhiên, khi mua chiếc điện

thoại trên, anh L1 không biết là do K chiếm đoạt mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh L1 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ngày 22/11/2023, bà Trần Thị Kim D đã thay Trang M khôi trả lại cho anh L1 số tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng, anh L1 không yêu cầu giải quyết gì thêm.

- Đối với anh Trần Nam T2 đã có hành vi mua xe mô tô hiệu Honda Vario, màu trắng-hồng-đen, biển số 59Y3-698.57 từ Trang Minh K. Tuy nhiên, khi mua xe trên anh T2 không biết là do K chiếm đoạt mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T2 về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Anh T2 không có yêu cầu bồi thường gì đối với K.

- Đối với Nguyễn Thanh Đ, quá trình điều tra Trang Minh K khai khi K gọi điện thoại cho Đ rủ cùng đi bán xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 59Y3-698.57 thì K có nói cho Đ biết là xe do K chiếm đoạt mà có; tuy nhiên, Đ chỉ thừa nhận vào ngày 08/11/2023 thì Đ có cùng K đi bán xe mô tô của chị Q tại thành phố M, tỉnh Tiền Giang nhưng Đ không biết xe trên là do K chiếm đoạt của chị Q mà có; đồng thời, Đ cũng không thừa nhận đã nhận số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng từ K. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất và các hoạt động điều tra khác nhưng đến nay vẫn chưa đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý khi có đủ căn cứ.

Cáo trạng số 111/CT-VKSTDM ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Trang Minh K về các tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 và tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuy tố bị cáo Lê Vũ L về tội “Chứa chấp và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trang Minh K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tuyên bố bị cáo Lê Vũ L phạm tội “Chứa chấp và Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trang Minh K mức hình phạt từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của cả 02 tội mức hình phạt từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Vũ L mức hình phạt từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù về tội “Tiêu thụ

tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của cả 02 tội mức hình phạt từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đề nghị xem xét giải quyết.

- Tại phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị. Trong nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thấy hành vi sai trái của mình nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại chị Nguyễn Phương Thảo V, chị Lý Hồng Q; vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Thanh L1, anh Trần Nam T2 và những người làm chứng. Nhưng, chị V, chị Q, anh L1, anh T2 và những người làm chứng đã có lời khai trình bày ý kiến của mình trong hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt chị V, chị Q, anh L1, anh T2 và người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt chị V, chị Q, anh L1, anh T2 và những người làm chứng.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Kết luận Giám định, cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 05 tháng 11 năm 2023 tại Khách sạn H1, địa chỉ tại Số A, đường H, Khu phố A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo Trương Minh K2 đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, loại 256Gb, màu hồng trị giá 12.000.000 (mười hai triệu) đồng của bị hại Nguyễn Phương Thảo V. Đến ngày 07/11/2023, tại nhà nghỉ T5, địa chỉ tại Khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, bị cáo K2 đã tiếp tục thực hiện hành vi đưa ra thông tin gian dối với bị hại Lý Hồng Q để chị Q tin tưởng rồi sau đó chiếm đoạt của chị Q 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, màu trắng-hồng-đen, biển số 59Y3-698.57 trị giá 32.000.000 (ba mươi hai triệu) đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, dung lượng 256Gb, màu tím trị giá 23.000.000 (hai mươi ba triệu) đồng; tổng trị giá các tài sản bị cáo K2 chiếm đoạt của bị hại Q là 55.000.000 (năm mươi lăm triệu) đồng. Như vậy, hành vi mà bị cáo Trương Minh K đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 và điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa

đổi, bổ sung 2017); bị cáo K đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố đối với bị cáo Trang Minh K theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với bị cáo Lê Vũ L tuy biết xe mô tô biển số 59Y3-698.57 và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, dung lượng 256Gb, màu tím do bị cáo K chiếm đoạt mà có nhưng vẫn đồng ý cùng bị cáo K mang chiếc điện thoại đi bán tại cửa hàng điện thoại Trần A, địa chỉ tại Số B, đường N, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và cùng bị cáo K mang xe đi cất giấu tại Chung cư S, địa chỉ tại đường C, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, hành vi mà bị cáo L cùng với bị cáo K đi bán chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 14 Promax, dung lượng 256Gb, màu tím đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung 2017); bị cáo L đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố đối với bị cáo Lê Vũ L theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Riêng, hành vi của bị cáo L cùng với cùng bị cáo K mang chiếc xe mô tô biển số 59Y3-698.57 đi cất giấu tại Chung cư S, tuy Cáo trạng số 111/CT-VKSTDM-HS ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một đã truy tố bị cáo về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”, nhưng căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Bị cáo K là người trực tiếp gửi xe tại Chung cư S, Chung cư S cũng không thuộc quyền quản lý của bị cáo L nên hành vi của bị cáo L không được coi cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản, cho thuê nhà, cho thuê địa điểm để cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản là chiếc xe mô tô biển số 59Y3-698.57; bị cáo L cùng với bị cáo K gửi chiếc xe mô tô biển số 59Y3-698.57 vào Chung cư S, đến ngày hôm sau thì bị cáo K cùng với Nguyễn Thanh Đ mang chiếc xe này xuống thành phố M, tỉnh Tiền Giang để bán cho người khác, số tiền bán xe được chuyển khoản vào tài sản của bị cáo L. Do đó, hành vi này của bị cáo L được cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do tội danh mà Hội đồng xét xử xác định và tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đều cùng một điểm, khoản, điều luật nên không thuộc trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định tại Điều 280, 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[4] Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo Trang Minh K biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, lười lao động nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; bị cáo Lê Vũ L biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo L là một trong những nguyên nhân, điều kiện để bị cáo K thêm quyết tâm, ý chí để phạm tội. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện; cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Trang Minh K: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị

hại, được các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Đối với bị cáo Lê Vũ L: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đây là các tình tiết được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Căn cứ vào những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trang Minh K đã tác động mẹ của mình là Bà Trần Thị Kim D bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì khác nên không đề cập xử lý.

[9] Về biện pháp tư pháp: Không.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các 136, 260, 292, 293, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trang Minh K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và phạm tội “Trộm cắp tài sản”; tuyên bố bị cáo Lê Vũ L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trang Minh K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), tổng hợp hình phạt của cả 02 tội, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/11/2023.

2.2. Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Vũ L 01 (một) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Trang Minh K và Lê Vũ L, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trần Thị Kim D được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại Toà án, được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Vọng